

SỐ: 30/NQ-HĐND  
Ngày 28/11/2016

Số: 30/NQ-HĐND

Tuyên Quang, ngày 04 tháng 12 năm 2016

PT-EB,  
LƯU HI  
9

**NGHỊ QUYẾT**

**Ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng nhân dân  
tỉnh Tuyên Quang khóa XVIII, nhiệm kỳ 2016 - 2021**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG  
KHÓA XVIII, KỲ HỌP THỨ BA**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân ngày 20 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 1206/2016/NQ-UBTVQH13 ngày 13/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIII, quy định về chế độ, chính sách và các điều kiện đảm bảo hoạt động của đại biểu Hội đồng nhân dân;

Xét Tờ trình số 30/TTr-HĐND ngày 28/11/2016 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang khóa XVIII, nhiệm kỳ 2016 - 2021 và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp,

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo nghị quyết này Quy chế hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang khóa XVIII, nhiệm kỳ 2016 - 2021.

**Điều 2.** Các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thực hiện nghị quyết này.

**Điều 3.** Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh thực hiện và giám sát việc thực hiện nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang khóa XVIII, kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 04 tháng 12 năm 2016./.

*Nơi nhận:*

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Ủy ban MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- Các Văn phòng: Tỉnh ủy, HĐND, UBND, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Chuyên viên Văn phòng HĐND tỉnh;
- Công báo Tuyên Quang;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, (Kh).

**CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Văn Sơn**

**QUY CHẾ**  
**HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN**  
**TỈNH TUYÊN QUANG KHOÁ XVIII, NHIỆM KỲ 2016 - 2021**  
*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 04/12/2016*  
*của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang)*

**Chương I**  
**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi, đối tượng điều chỉnh**

1. Quy chế này quy định về nhiệm vụ, quyền hạn và hoạt động của Hội đồng nhân dân (sau đây viết tắt là HĐND) tỉnh Tuyên Quang, Thường trực HĐND, Ban của HĐND, Tổ đại biểu HĐND, đại biểu HĐND tỉnh khóa XVIII, nhiệm kỳ 2016 - 2021; trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đối với hoạt động của HĐND tỉnh; mối quan hệ công tác giữa HĐND tỉnh với Tỉnh ủy, Đoàn Đại biểu Quốc hội (sau đây viết tắt là Đoàn ĐBQH) tỉnh Tuyên Quang khóa XIV, Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) tỉnh, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (sau đây viết tắt là UBMTTQ) tỉnh Tuyên Quang, các tổ chức chính trị - xã hội của tỉnh, HĐND các huyện, thành phố và các cơ quan liên quan; quy định các điều kiện bảo đảm cho hoạt động của HĐND tỉnh.

2. Những nội dung không quy định trong Quy chế này thực hiện theo các quy định của pháp luật có liên quan.

**Chương II**  
**NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN VÀ HOẠT ĐỘNG**  
**CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH**

**Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn của HĐND tỉnh**

1. HĐND tỉnh thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước, Luật đất đai và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

2. Giữa hai kỳ họp, để bảo đảm việc điều hành kinh tế - xã hội và quốc phòng - an ninh của tỉnh, HĐND tỉnh ủy quyền cho Thường trực HĐND tỉnh giải quyết một số việc thuộc thẩm quyền của HĐND tỉnh, quy định tại Khoản 5 Điều 17, Điểm b Khoản 2 Điều 27, Khoản 5 Điều 28, Điểm b Khoản 2 Điều 29, Điểm a, b Khoản 2 Điều 92, Điều 91 Luật Đầu tư công; Khoản 4, Khoản 8 Điều 30, Khoản 4 Điều 59, Khoản 5 Điều 60, Khoản 5 Điều 69 Luật Ngân sách nhà nước; Điều 21, 45, 114, 198, Điểm b Khoản 1 Điều 58, Khoản 3 Điều 62, Luật đất đai và báo cáo HĐND tỉnh tại kỳ họp gần nhất.

### **Điều 3. Kỳ họp HĐND**

1. HĐND tỉnh họp thường lệ mỗi năm hai kỳ. Kế hoạch tổ chức các kỳ họp thường lệ của HĐND tỉnh do HĐND quyết định vào kỳ họp thường lệ cuối cùng của năm trước.

2. HĐND tỉnh họp bất thường khi Thường trực HĐND, Chủ tịch UBND tỉnh hoặc ít nhất một phần ba tổng số đại biểu HĐND tỉnh yêu cầu.

3. Thường trực HĐND tỉnh quyết định triệu tập kỳ họp thường lệ chậm nhất là 20 ngày, kỳ họp bất thường chậm nhất là 07 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp và dự kiến chương trình kỳ họp HĐND, trình HĐND tỉnh quyết định.

4. Thành phần khách mời tham dự kỳ họp HĐND tỉnh thực hiện theo quy định tại Điều 81 Luật Tổ chức chính quyền địa phương.

5. Chủ tịch HĐND tỉnh khai mạc và bế mạc kỳ họp, chủ tọa phiên họp HĐND tỉnh, bảo đảm thực hiện chương trình kỳ họp và những quy định về kỳ họp HĐND tỉnh. Phó Chủ tịch HĐND tỉnh giúp Chủ tịch HĐND tỉnh trong việc điều hành các phiên họp theo sự phân công của Chủ tịch HĐND tỉnh.

6. HĐND tỉnh thông qua các dự thảo nghị quyết, đề án, báo cáo tại kỳ họp theo trình tự quy định tại Điều 85 Luật Tổ chức chính quyền địa phương.

### **Điều 4. Hoạt động giám sát của HĐND tỉnh**

1. HĐND tỉnh có thẩm quyền giám sát theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 5 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND.

2. HĐND tỉnh thực hiện các hoạt động giám sát theo quy định tại Điều 57 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND.

a) Xem xét các báo cáo.

Tại kỳ họp giữa năm và cuối năm, HĐND tỉnh xem xét các báo cáo quy định tại Điểm a và Điểm c Khoản 1 Điều 59 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND.

Tại kỳ họp cuối nhiệm kỳ, HĐND tỉnh xem xét các báo cáo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 59 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND.

b) Tiến hành chất vấn và xem xét trả lời chất vấn tại kỳ họp HĐND tỉnh theo quy định tại Điều 60 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND.

c) Xem xét văn bản quy phạm pháp luật của UBND tỉnh, HĐND các huyện, thành phố có dấu hiệu trái với Hiến pháp, luật, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên, nghị quyết của HĐND tỉnh. Trình tự xem xét văn bản quy phạm pháp luật có dấu hiệu vi phạm thực hiện theo quy định tại Điều 61 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND.

d) Giám sát chuyên đề.

Căn cứ chương trình giám sát, HĐND tỉnh ra nghị quyết thành lập Đoàn giám sát chuyên đề theo đề nghị của Thường trực HĐND tỉnh.

Trình tự, thủ tục giám sát chuyên đề của HĐND tỉnh thực hiện theo quy định tại Điều 62 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND.

HĐND tỉnh xem xét báo cáo của Đoàn giám sát tại kỳ họp và ra nghị quyết về vấn đề được giám sát. Nghị quyết giám sát được gửi đến cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

đ) Lấy phiếu tín nhiệm, bỏ phiếu tín nhiệm đối với người giữ chức vụ do HĐND tỉnh bầu theo quy định của pháp luật.

3. HĐND tỉnh quyết định chương trình giám sát của HĐND theo trình tự sau đây:

Chậm nhất là ngày 01 tháng 3 của năm trước, các Ban của HĐND, đại biểu HĐND, Ban thường trực UBMTTQ tỉnh và cử tri ở trong tỉnh gửi kiến nghị, đề nghị giám sát của HĐND đến Thường trực HĐND, trong đó nêu rõ sự cần thiết, nội dung, phạm vi, đối tượng giám sát.

Văn phòng HĐND tỉnh tổng hợp kiến nghị, đề nghị giám sát và báo cáo Thường trực HĐND tỉnh.

Chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp giữa năm của HĐND tỉnh, Thường trực HĐND tỉnh thảo luận và lập dự kiến chương trình giám sát của HĐND tỉnh để trình HĐND tỉnh xem xét, quyết định tại kỳ họp giữa năm của năm trước. Trường hợp cần thiết, Thường trực HĐND tỉnh trình HĐND tỉnh điều chỉnh chương trình giám sát.

### **Chương III** **NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN VÀ HOẠT ĐỘNG** **CỦA THƯỜNG TRỰC HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH**

#### **Điều 5. Nhiệm vụ, quyền hạn của Thường trực HĐND tỉnh**

1. Thường trực HĐND tỉnh thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 104 Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Quy chế hoạt động của HĐND tỉnh và Quy chế làm việc của Thường trực HĐND tỉnh.

2. Thường trực HĐND tỉnh có nhiệm vụ xây dựng dự kiến chương trình kỳ họp HĐND tỉnh trên cơ sở nghị quyết về kế hoạch tổ chức kỳ họp thường lệ của HĐND tỉnh và đề nghị của Chủ tịch UBND, Chủ tịch UBMTTQ tỉnh, Chánh án Tòa án nhân dân (TAND), Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân (VKSND), các Ban của HĐND, đại biểu HĐND tỉnh để trình HĐND tỉnh xem xét, quyết định.

3. Thường trực HĐND tỉnh thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Khoản 4 Điều 45, Khoản 3 Điều 52, Khoản 2 Điều 59, Khoản 3 Điều 69 Luật Ngân sách nhà nước.

4. Thường trực HĐND tỉnh thực hiện các nội dung được HĐND tỉnh ủy quyền tại khoản 2 Điều 2 Quy chế này.

5. Thường trực HĐND tỉnh thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật và theo nghị quyết của HĐND tỉnh.

6. Nhiệm vụ, quyền hạn của các thành viên Thường trực HĐND tỉnh thực hiện theo quy định tại Điều 105 Luật Tổ chức chính quyền địa phương và thực hiện theo Quy chế làm việc của Thường trực HĐND tỉnh.

## **Điều 6. Phiên họp và hội nghị của Thường trực HĐND tỉnh**

1. Thường trực HĐND tỉnh tổ chức phiên họp theo quy định tại Điều 106 Luật Tổ chức chính quyền địa phương để thảo luận và quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Thường trực HĐND tỉnh.

2. Thường trực HĐND tỉnh họp định kỳ mỗi tháng một lần. Khi cần thiết, Thường trực HĐND tỉnh họp đột xuất theo đề nghị của Chủ tịch HĐND tỉnh.

3. Định kỳ ba tháng một lần, Thường trực HĐND tỉnh tổ chức hội nghị giao ban với Thường trực HĐND các huyện, thành phố. Thường trực HĐND tỉnh tổ chức các hội nghị khi xét thấy cần thiết

## **Điều 7. Hoạt động giám sát của Thường trực HĐND tỉnh**

1. Thường trực HĐND tỉnh có thẩm quyền giám sát theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 5 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND.

2. Thường trực HĐND tỉnh thực hiện các hoạt động giám sát theo quy định tại Điều 66 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND.

a) Xem xét quyết định của UBND tỉnh và nghị quyết của HĐND các huyện, thành phố có dấu hiệu trái với Hiến pháp, luật, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên, nghị quyết của HĐND tỉnh theo quy định tại Khoản 1, Khoản 3, Khoản 4 Điều 68 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND.

b) Tiến hành chất vấn và xem xét việc trả lời chất vấn tại phiên họp của Thường trực HĐND trong thời gian giữa hai kỳ họp HĐND tỉnh theo quy định tại Điều 69 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND.

c) Giải trình tại phiên họp của Thường trực HĐND tỉnh.

Căn cứ vào chương trình giám sát, Thường trực HĐND tỉnh yêu cầu thành viên của UBND, Chánh án TAND, Viện trưởng VKSND tỉnh giải trình và cá nhân có liên quan tham gia giải trình về những vấn đề mà Thường trực HĐND tỉnh quan tâm.

Trình tự phiên giải trình thực hiện theo quy định tại Khoản 4 Điều 72 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND.

Kết thúc phiên giải trình, Thường trực HĐND tỉnh xem xét, thông qua kết luận về vấn đề được giải trình. Cơ quan, cá nhân có liên quan có trách nhiệm thực hiện kết luận của Thường trực HĐND tỉnh.

d) Giám sát chuyên đề.

Căn cứ vào chương trình giám sát, Thường trực HĐND tỉnh quyết định thành lập Đoàn giám sát chuyên đề.

Việc thành lập Đoàn giám sát, nhiệm vụ, quyền hạn của Đoàn giám sát, việc báo cáo và xem xét báo cáo của Đoàn giám sát chuyên đề của Thường trực HĐND tỉnh thực hiện theo quy định tại Điều 70 và Điều 71 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND.

Sau khi xem xét báo cáo của Đoàn giám sát, Thường trực HĐND tỉnh kết luận về nội dung giám sát. Kết luận của Thường trực HĐND tỉnh được gửi đến cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát và các cơ quan, tổ chức có liên quan.

Trong trường hợp cần thiết, Thường trực HĐND tỉnh đề nghị HĐND tỉnh xem xét báo cáo kết quả giám sát của Đoàn giám sát tại kỳ họp gần nhất.

Thường trực HĐND tỉnh có trách nhiệm theo dõi kết quả giải quyết kiến nghị của cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát.

đ) Giám sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo theo quy định tại Điều 73 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND.

e) Giám sát việc giải quyết kiến nghị của cử tri.

Thường trực HĐND tỉnh có trách nhiệm giám sát việc giải quyết kiến nghị của cử tri và chuẩn bị báo cáo giám sát việc giải quyết kiến nghị của cử tri trình HĐND tỉnh.

UBND tỉnh báo cáo kết quả giải quyết kiến nghị của cử tri. Báo cáo của UBND về kết quả giải quyết kiến nghị của cử tri phải được Ban của HĐND tỉnh thẩm tra theo sự phân công của Thường trực HĐND tỉnh.

Trình tự xem xét báo cáo việc giải quyết kiến nghị của cử tri thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 74 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND.

Thường trực HĐND tỉnh chỉ đạo xây dựng báo cáo giám sát kết quả giải quyết kiến nghị của cử tri và dự thảo nghị quyết về việc giải quyết kiến nghị của cử tri trình HĐND tỉnh.

3. Thường trực HĐND tỉnh quyết định chương trình giám sát hàng năm của Thường trực HĐND theo quy định tại Điều 67 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND.

#### **Điều 8. Tiếp công dân của Thường trực HĐND tỉnh**

1. Thường trực HĐND tỉnh có trách nhiệm thực hiện việc tiếp công dân và tổ chức đề đại biểu HĐND tỉnh tiếp công dân theo quy định tại Điều 107 Luật Tổ chức chính quyền địa phương.

2. Chủ tịch HĐND tỉnh phải có lịch tiếp công dân và quyết định số lần tiếp công dân trong tháng. Chủ tịch HĐND tỉnh có thể ủy nhiệm cho Phó Chủ tịch HĐND tỉnh và Ủy viên của Thường trực HĐND tỉnh tiếp công dân, nhưng ít nhất mỗi quý Chủ tịch HĐND tỉnh phải dành một ngày để trực tiếp tiếp công dân.

### **Chương IV**

#### **NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC BAN CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH**

#### **Điều 9. Nhiệm vụ, quyền hạn của các Ban của HĐND tỉnh**

1. Hội đồng nhân dân tỉnh có 4 ban, gồm: Ban Pháp chế; Ban Kinh tế - Ngân sách; Ban Văn hóa - Xã hội; Ban Dân tộc.

2. Ban của HĐND tỉnh phụ trách lĩnh vực và thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại các Điều 108, 109, 110, 111 Luật Tổ chức chính quyền địa phương; Khoản 2 Điều 69 Luật Ngân sách nhà nước.

3. Nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng ban, Phó Trưởng ban và Ủy viên ban của HĐND tỉnh.

a) Trưởng ban của HĐND tỉnh trực tiếp chỉ đạo, điều hành các hoạt động của Ban, thay mặt Ban giữ mối liên hệ với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

b) Phó Trưởng ban của HĐND tỉnh giúp Trưởng Ban thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo sự phân công của Trưởng Ban.

c) Ủy viên ban của HĐND tỉnh có trách nhiệm tham gia các hoạt động của Ban và thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công của Trưởng ban.

### **Điều 10. Hoạt động giám sát, thẩm tra của Ban của HĐND tỉnh**

1. Có thẩm quyền giám sát theo quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 5 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND.

2. Thực hiện các hoạt động giám sát theo quy định tại Điều 76 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND.

3. Lập chương trình giám sát của Ban theo quy định tại Điều 77 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND.

4. Thực hiện thẩm tra dự thảo nghị quyết, báo cáo, đề án theo quy định tại Điều 111 Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Điều 78 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND, Điều 124, Điểm b, Điểm d khoản 1 Điều 126 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

5. Thực hiện giám sát văn bản quy phạm pháp luật theo quy định tại Khoản 2 Điều 68 và Điều 79 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND.

6. Thực hiện giám sát chuyên đề theo quy định tại Điều 80 và Điều 81 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND.

7. Giám sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị của công dân theo quy định tại Điều 82 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND.

## **Chương V**

### **NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔ ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN VÀ ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH**

#### **Điều 11. Nhiệm vụ, quyền hạn của Tổ đại biểu HĐND tỉnh**

1. HĐND tỉnh thành lập 6 Tổ đại biểu HĐND; các tổ đại biểu có Tổ trưởng và Tổ phó.

2. Tổ đại biểu HĐND tỉnh thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 112 Luật Tổ chức chính quyền địa phương

3. Nhiệm vụ, quyền hạn của Tổ trưởng, Tổ phó Tổ đại biểu HĐND tỉnh.

a) Tổ trưởng Tổ đại biểu HĐND tỉnh điều hành các hoạt động của Tổ đại biểu, thay mặt Tổ đại biểu giữ mối liên hệ với Thường trực HĐND tỉnh và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

b) Tổ phó Tổ đại biểu giúp Tổ trưởng thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo sự phân công của Tổ trưởng.



## **Điều 12. Hoạt động của Tổ đại biểu HĐND và đại biểu HĐND tỉnh**

1. Tổ đại biểu HĐND tỉnh xây dựng kế hoạch tiếp xúc cử tri cho các thành viên của tổ, gửi Thường trực HĐND tỉnh và tổ chức cho các đại biểu HĐND tỉnh tiếp xúc cử tri theo kế hoạch của Thường trực HĐND tỉnh; tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri gửi về Thường trực HĐND tỉnh; tổ chức cho đại biểu HĐND tỉnh nghiên cứu tài liệu, chuẩn bị ý kiến thảo luận tại kỳ họp HĐND tỉnh.

2. Tổ đại biểu HĐND, đại biểu HĐND tỉnh có thẩm quyền giám sát theo quy định tại Điểm d và Điểm đ Khoản 1 Điều 5 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND; thực hiện các hoạt động giám sát theo quy định tại các Điều 83, 84, 85, 86 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND.

3. Đại biểu HĐND tỉnh có trách nhiệm tham dự, chấp hành nội quy kỳ họp HĐND tỉnh; thực hiện quyền giám sát và tham gia thảo luận, biểu quyết các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của HĐND tỉnh. Đại biểu HĐND tỉnh hoạt động không chuyên trách phải đảm bảo dành ít nhất một phần ba thời gian làm việc trong năm để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của đại biểu HĐND theo quy định tại khoản 2 Điều 103 Luật Tổ chức chính quyền địa phương.

4. Đại biểu HĐND tỉnh phải liên hệ chặt chẽ với cử tri và nhân dân, có trách nhiệm lắng nghe và phản ánh trung thực ý kiến, kiến nghị của cử tri và nhân dân; thực hiện trách nhiệm tiếp xúc cử tri, tiếp công dân, tiếp nhận và giám sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị của công dân theo Điều 87 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND.

## **Điều 13. Trách nhiệm và quyền của đại biểu HĐND tỉnh**

1. Đại biểu HĐND tỉnh thực hiện trách nhiệm theo quy định tại các Điều 93, 94, 95 Luật Tổ chức chính quyền địa phương.

2. Đại biểu HĐND tỉnh thực hiện các quyền theo quy định tại Khoản 8 Điều 83 và các Điều 96, 97, 98, 99, 100, 101 Luật Tổ chức chính quyền địa phương.

## **Chương VI**

### **QUAN HỆ CÔNG TÁC GIỮA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH VỚI CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC CÓ LIÊN QUAN**

## **Điều 14. Quan hệ công tác giữa HĐND tỉnh với Tỉnh ủy**

1. HĐND tỉnh chấp hành sự lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy đối với hoạt động của HĐND tỉnh; báo cáo Tỉnh ủy về kết quả bầu cử, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức vụ thuộc thẩm quyền của HĐND tỉnh; báo cáo kết quả lấy phiếu tín nhiệm, bỏ phiếu tín nhiệm đối với người giữ chức vụ do HĐND tỉnh bầu và báo cáo về những hoạt động quan trọng của HĐND tỉnh.

2. Thông qua hoạt động của mình, HĐND tỉnh kiến nghị với Tỉnh ủy về những nội dung quan trọng cần lãnh đạo, chỉ đạo để bảo đảm thực hiện tốt nghị quyết của Tỉnh ủy về phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh và các nội dung liên quan đến công tác cán bộ.

## **Điều 15. Quan hệ công tác giữa HĐND tỉnh với Đoàn ĐBQH tỉnh**

1. Các Đại biểu Quốc hội ứng cử trên địa bàn tỉnh được mời tham dự các kỳ họp của HĐND tỉnh và có thể được mời tham gia hoạt động giám sát của HĐND tỉnh.

2. HĐND tỉnh cử đại biểu HĐND tỉnh tham gia hoạt động giám sát của Đoàn ĐBQH tỉnh khi được mời.

3. HĐND tỉnh phối hợp với Đoàn ĐBQH tỉnh tiếp nhận các ý kiến, kiến nghị của cử tri trong tỉnh chuyển đến các cơ quan có thẩm quyền ở Trung ương và địa phương giải quyết; thông tin tới cử tri về nội dung trả lời, kết quả giải quyết của các cơ quan chức năng.

**Điều 16. Quan hệ công tác giữa HĐND tỉnh với UBND tỉnh, Tòa án nhân dân tỉnh, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh, Cục Thi hành án dân sự tỉnh và các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh**

1. UBND tỉnh, TAND, VKSND, Cục Thi hành án dân sự tỉnh, cơ quan thuộc UBND tỉnh và các cơ quan nhà nước cấp tỉnh phân công lãnh đạo dự kỳ họp HĐND tỉnh và cử người tham gia hoạt động của Thường trực HĐND, Ban của HĐND tỉnh khi được mời; mời Thường trực HĐND, Ban của HĐND tỉnh phụ trách lĩnh vực dự hội nghị sơ kết, tổng kết và một số hoạt động trọng tâm của UBND tỉnh, của ngành.

2. UBND tỉnh mời Thường trực HĐND tỉnh tham dự phiên họp của UBND tỉnh; cử lãnh đạo, cán bộ, công chức, viên chức tham gia các hoạt động của HĐND tỉnh khi có yêu cầu.

3. UBND tỉnh báo cáo HĐND, Thường trực HĐND tỉnh về các nội dung thuộc trách nhiệm của UBND tỉnh; gửi văn bản quy phạm pháp luật và các quyết định do UBND tỉnh ban hành đến Thường trực HĐND, Ban của HĐND tỉnh theo lĩnh vực phụ trách chậm nhất là 03 ngày kể từ ngày ký; cung cấp thông tin cho Thường trực HĐND, Ban của HĐND tỉnh theo quy định của pháp luật.

4. Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm phối hợp với Thường trực HĐND tỉnh xây dựng dự kiến, nội dung chương trình kỳ họp; chuẩn bị các nội dung trình kỳ họp HĐND tỉnh theo quy định của pháp luật và phân công của Thường trực HĐND tỉnh; thực hiện các thủ tục và chuẩn bị đầy đủ hồ sơ trình Thường trực HĐND tỉnh xem xét, quyết định đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền của Thường trực HĐND tỉnh.

5. Cơ quan trình đề án, dự thảo nghị quyết của HĐND tỉnh có trách nhiệm thực hiện đầy đủ quy trình, thủ tục và thời hạn xây dựng đề án, dự thảo nghị quyết để trình HĐND tỉnh theo đúng quy định của pháp luật.

Cơ quan chủ trì soạn thảo đề án, dự thảo nghị quyết phối hợp chặt chẽ với Ban của HĐND tỉnh phụ trách lĩnh vực tương ứng trong quá trình xây dựng đề án, dự thảo nghị quyết, mời Ban của HĐND tỉnh tham gia các cuộc họp và một số hoạt động liên quan đến việc xây dựng đề án, dự thảo nghị quyết.

6. Cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát có trách nhiệm thực hiện kế hoạch, nội dung, yêu cầu giám sát; báo cáo trung thực, khách quan, đầy đủ, kịp thời về nội dung giám sát; tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động giám sát của HĐND, Thường trực HĐND, Ban của HĐND, Tổ đại biểu HĐND và đại biểu HĐND tỉnh; nghiêm chỉnh chấp hành nghị quyết giám sát của HĐND tỉnh, thực

hiện kết luận, kiến nghị của Thường trực HĐND, Ban của HĐND, Tổ đại biểu HĐND, đại biểu HĐND tỉnh.

Cá nhân, người đứng đầu cơ quan, tổ chức chịu sự giám sát có trách nhiệm trực tiếp báo cáo, trình bày những vấn đề mà chủ thể giám sát yêu cầu; trường hợp không thể trực tiếp báo cáo, trình bày được thì ủy quyền cho cấp phó của mình.

7. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm cung cấp thông tin, tài liệu thuộc thẩm quyền giám sát của HĐND cho Thường trực HĐND, Ban của HĐND tỉnh theo quy định của pháp luật, cung cấp thông tin, tài liệu cho Tổ đại biểu HĐND, đại biểu HĐND tỉnh khi được yêu cầu, trừ thông tin thuộc bí mật nhà nước mà pháp luật quy định không được phép cung cấp.

**Điều 17. Quan hệ công tác giữa HĐND tỉnh với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội của tỉnh**

1. Chủ tịch UBMTTQVN tỉnh và người đứng đầu tổ chức chính trị - xã hội của tỉnh được mời tham dự các kỳ họp HĐND tỉnh. UBMTTQVN tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội của tỉnh có thể được mời tham gia hoạt động giám sát của HĐND tỉnh.

Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội của tỉnh mời Thường trực HĐND và Ban của HĐND tỉnh tham dự một số hoạt động của UBMTTQVN và các tổ chức chính trị - xã hội để trao đổi thông tin và tăng cường mối quan hệ phối hợp công tác.

2. HĐND tỉnh thực hiện chế độ gửi thông báo, nghị quyết của HĐND tỉnh tới UBMTTQVN tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội của tỉnh theo quy định của pháp luật.

3. HĐND tỉnh tạo điều kiện để UBMTTQVN tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội của tỉnh động viên nhân dân tham gia xây dựng và củng cố chính quyền nhân dân, tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật của Nhà nước, giám sát, phản biện xã hội đối với hoạt động của chính quyền địa phương.

4. Thường trực HĐND tỉnh phối hợp với Ban Thường trực UBMTTQVN tỉnh và các tổ chức, cá nhân liên quan tổ chức cho các đại biểu HĐND tỉnh tiếp xúc cử tri, tiếp nhận ý kiến, kiến nghị của cử tri chuyển đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết.

HĐND tỉnh có trách nhiệm lắng nghe, giải quyết và trả lời theo thẩm quyền các kiến nghị của UBMTTQVN tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội ở địa phương về xây dựng chính quyền và phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

**Điều 18. Trách nhiệm của UBND tỉnh, Tòa án nhân dân tỉnh, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh, Cục Thi hành án dân sự tỉnh và các cơ quan, tổ chức, cá nhân hữu quan đối với hoạt động của HĐND tỉnh**

1. UBND tỉnh, Tòa án nhân dân tỉnh, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh, Cục Thi hành án dân sự tỉnh và các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm thực hiện nghị quyết của HĐND tỉnh.

2. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm phối hợp với HĐND tỉnh trong thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định của Pháp luật;

tham gia các hoạt động của HĐND tỉnh, Thường trực HĐND tỉnh, các Ban của HĐND tỉnh khi được yêu cầu, đề nghị.

### **Điều 19. Quan hệ công tác giữa HĐND tỉnh với HĐND cấp huyện**

1. Thường trực HĐND tỉnh tổ chức tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng, nghiệp vụ công tác cho Thường trực HĐND, thành viên các Ban của HĐND cấp huyện; Tổ chức các hội nghị giao ban với Thường trực HĐND các huyện, thành phố để trao đổi các vấn đề liên quan đến việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của HĐND theo quy định của pháp luật; kỹ năng, nhiệm vụ hoạt động của HĐND cấp huyện.

2. Thường trực HĐND, Ban của HĐND, Tổ đại biểu HĐND tỉnh phối hợp với Thường trực HĐND, Ban của HĐND cấp huyện trong tổ chức thực hiện các hoạt động khảo sát giám sát trên địa bàn các huyện, thành phố.

3. HĐND các huyện, thành phố có trách nhiệm gửi nghị quyết đã ban hành đến Thường trực HĐND tỉnh và Ban của HĐND tỉnh theo lĩnh vực phụ trách chậm nhất là 03 ngày kể từ ngày ký. Thường trực HĐND các huyện, thành phố gửi báo cáo công tác tháng, quý, 6 tháng, 1 năm đến Thường trực HĐND tỉnh.

## **Chương VII NHỮNG ĐẢM BẢO CHO HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH**

### **Điều 20. Kinh phí hoạt động của HĐND tỉnh**

1. Kinh phí hoạt động của HĐND tỉnh do HĐND tỉnh quyết định và được bố trí từ ngân sách tỉnh.

2. Thường trực HĐND tỉnh chỉ đạo việc sử dụng kinh phí phục vụ hoạt động của HĐND tỉnh theo đúng quy định của pháp luật.

3. Văn phòng HĐND tỉnh có trách nhiệm bảo đảm các điều kiện vật chất, thực hiện các chế độ theo quy định của pháp luật đối với Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, các Tổ đại biểu và đại biểu HĐND tỉnh.

### **Điều 21. Chế độ đối với đại biểu HĐND tỉnh**

1. Đại biểu HĐND tỉnh được hưởng các chế độ, chính sách do pháp luật quy định và theo nghị quyết của HĐND tỉnh.

2. Đại biểu HĐND tỉnh hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được xét khen thưởng theo quy định của pháp luật.

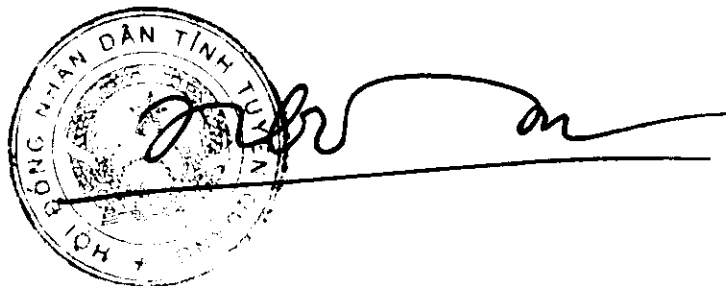
## **Chương VIII ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

### **Điều 22. Thi hành và sửa đổi bổ sung quy chế**

1. Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, Văn phòng HĐND, các Tổ đại biểu HĐND, đại biểu HĐND tỉnh, UBND, các cơ quan thuộc UBND tỉnh, TAND, VKSND tỉnh và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện Quy chế.

2 Định kỳ hàng năm, Văn phòng HĐND tỉnh có trách nhiệm tổng hợp, báo cáo Thường trực HĐND tỉnh về tình hình thực hiện Quy chế; đề xuất các nội dung cần sửa đổi, bổ sung để Thường trực HĐND tỉnh trình HĐND tỉnh xem xét, quyết định./.

**CHỦ TỊCH**

A circular official seal of the Provincial People's Council (Hội đồng Nhân dân tỉnh) is stamped over a handwritten signature. The seal contains the text 'HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH' and 'TỈNH' at the bottom. The signature is written in black ink and extends to the right of the seal.

**Nguyễn Văn Sơn**